THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1288/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn

thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Văn bản số 6808/UBND-GTCND ngày 12 tháng 10 năm 2023, Văn bản số 7143/UBND-GTCNXD ngày 24 tháng 10 năm 2023 và Văn bản số 7296/UBND-GTCNXD ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 9612/BC-HĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh; Văn bản số 6433/CV-HĐTĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về rà soát hồ sơ, tài liệu quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được bổ sung, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; ý kiến của Bộ Công Thương tại Văn bản số 6905/BCT-ĐL ngày 05 tháng 10 năm 2023 về phương án phát triển mạng lưới cấp điện, danh mục dự kiến nguồn điện trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn; rà soát tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản số 6747/BKHĐT-QLQH ngày 18 tháng 8 năm 2023 và số 8776/BKHĐT-QLQH ngày 23 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Bắc Kạn, quy mô 4.859,96 km^2 gồm 08 đơn vị hành chính: Thành phố Bắc Kạn và 07 huyện (Chợ Mới, Chợ Đồn, Bạch Thông, Ngân Sơn, Ba Bể, Na Rì, Pác Nặm), được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp tỉnh Cao Bằng.

- Phía Đông: Giáp tỉnh Lạng Sơn.

- Phía Nam: Giáp tỉnh Thái Nguyên.

- Phía Tây: Giáp tỉnh Tuyên Quang.

Tỉnh Bắc Kạn có tọa độ địa lý khoảng từ $21^o48'$ đến $22^o44'$ vĩ độ Bắc, $105^o26'$ đến $106^o15'$ kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến

năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia; Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII.

b) Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển nhanh gắn liền với tăng trưởng xanh, bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh của Tỉnh trong phát triển kinh tế; đổi mới, sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực tiếp cận, nắm bắt, tận dụng hiệu quả các thành tựu, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

c) Chú trọng phát huy hiệu quả nội lực và tăng cường thu hút ngoại lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên kết vùng và đa mục tiêu.

d) Tập trung phát triển, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh với nông, lâm nghiệp là nền tảng; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; công nghiệp là một động lực phát triển.

đ) Phát huy tối đa yếu tố con người, truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa và khát vọng phát triển của tỉnh Bắc Kạn; gắn giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

e) Phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, tạo việc làm ổn định để giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống của Nhân dân; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

g) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế gắn với liên kết vùng.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Bắc Kạn có nền kinh tế năng động, kinh tế phát triển khá so với các địa phương trong cả nước; không gian phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn; xây dựng đô thị theo hướng sinh thái, hiện đại và bền vững; trở thành điểm đến về du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, là một trong những địa phương có môi trường đáng sống của cả nước.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Bắc Kạn trở thành tỉnh phát triển trung bình khá, bền vững của vùng với hệ thống không gian phát triển hài hòa, hợp lý giữa đô thị và nông thôn, giữa khu vực phát triển kinh tế với các khu vực bảo tồn sinh thái, văn hóa. Kinh tế phát triển theo hướng xanh và năng động với hệ thống kết cấu hạ tầng

kinh tế - xã hội, hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm đầu tư theo hướng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định, bền vững; hợp tác, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 7,5%; trong đó: Dịch vụ tăng trên 8%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trên 3,5%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng trên 11%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm khoảng 54%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 20%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 24% (công nghiệp chiếm khoảng 12%); thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 2%.

+ GRDP bình quân/người đạt trên 100 triệu đồng/người (giá hiện hành).

+ Năng suất lao động đạt trên 125 triệu đồng (giá hiện hành).

+ Phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 2.000 tỷ đồng.

+ Huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 105 nghìn tỷ đồng.

+ Tổng lượng khách du lịch đạt khoảng 3 triệu lượt người.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,8%; duy trì tỷ lệ khoảng 16 bác sĩ/1 vạn dân; số giường bệnh/vạn dân đạt tối thiểu 35 giường; phấn đấu 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 98%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; tỷ lệ thất nghiệp hàng năm dưới 3%. Phấn đấu chỉ số HDI đạt 0,699.

+ Toàn tỉnh có trên 80% trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm; đến năm 2030 cơ bản không còn huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn.

+ Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 88% trở lên; khu dân cư văn hóa đạt 86% trở lên; 100% xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 70%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 60%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 95%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải rắn được thu gom là 10%.

+ Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 98%.

+ 100% khối lượng nước thải từ các khu, cụm công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 80% được sử dụng nước sạch.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 30%; xây dựng thành phố Bắc Kạn trở thành đô thị xanh - sạch - văn minh, từng bước hoàn thiện tiêu chí của đô thị loại II.

+ Toàn tỉnh có ít nhất 70 xã và 03 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 100%.

+ Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu phát triển.

- Về quốc phòng, an ninh: Huy động nguồn lực để xây dựng, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh của Tỉnh. Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân, có trình độ và sức mạnh tổng hợp, có khả năng sẵn sàng và sức chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Giải quyết các mâu thuẫn, xung đột có tính chất liên ngành, liên tỉnh trong quá trình phát triển thông qua việc đánh giá thực trạng phát triển cũng như tích hợp các định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Đề xuất các giải pháp để cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh thông qua việc xây dựng các cơ chế chính sách.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số. Xác định chuyển đổi số là một trong các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Đề xuất các giải pháp quy hoạch phát triển Tỉnh với trọng tâm là phát triển nông nghiệp với tư duy kinh tế nông nghiệp theo hướng mở rộng liên kết sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và tham gia các chuỗi giá trị; phát triển du lịch và công nghiệp chế biến trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Phát triển kinh tế gắn với thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao mức sống và cải thiện sinh kế của Nhân dân, đặc biệt là các khu vực thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Các đột phá phát triển

- Xác định thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch là trọng tâm; chú trọng phát triển du lịch nghỉ dưỡng, đưa thị trường bất động sản nghỉ dưỡng nằm trong nhóm dẫn đầu các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh, có vai trò động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác với hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh; xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thân thiện; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh; nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao, tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản và kim loại màu.

- Tập trung thu hút, khơi thông nguồn lực để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội bảo đảm đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối các hành lang kinh tế thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Ưu tiên triển khai đầu tư các dự án giao thông huyết mạch; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại thành phố Bắc Kạn, các thị trấn, đô thị trên địa bàn Tỉnh; hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Tăng cường đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất; nghiên cứu triển khai các chương trình khoa học công nghệ có hiệu quả ứng dụng cao trong thực tiễn để tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực của địa phương. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào một số ngành, lĩnh vực quan trọng của Tỉnh. Khuyến khích thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh trên địa bàn Tỉnh.

- Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo, trọng tâm là giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường lao động; chú trọng đào tạo nhân lực có trình độ kỹ thuật cao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Phương hướng phát triển ngành du lịch

- Phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường; giữ gìn, phát huy, bảo tồn các giá trị di sản, các giá trị văn hóa của địa phương.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trọng điểm vào một số dự án, tổ hợp du lịch với phạm vi, quy mô lớn theo hướng du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái kết hợp chăm sóc sức khỏe với các dịch vụ giải trí, thể thao chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng cao; xây dựng sản phẩm du lịch đa dạng, mang thương hiệu và đặc thù của Tỉnh bao gồm: Du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên; du lịch nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp sân gôn; du lịch gắn với giá trị văn hóa, lịch sử; du lịch thể thao mạo hiểm, vui chơi giải trí, du lịch cộng đồng; du lịch gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

- Đầu tư, phát triển khu du lịch hồ Ba Bể trở thành Khu du lịch quốc gia với các sản phẩm, loại hình du lịch độc đáo, mang bản sắc riêng và liên kết chặt chẽ với các khu du lịch trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; phát triển du lịch Hồ Nặm Cắt trở thành khu du lịch cấp tỉnh; phấn đấu mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 điểm, khu du lịch được công nhận.

- Phát triển các cụm du lịch, gồm: Cụm du lịch Ba Bể và phụ cận; cụm du lịch thành phố Bắc Kạn và phụ cận; cụm du lịch (ATK) Chợ Đồn và phụ cận; cụm du lịch Na Rì - Ngân Sơn.

- Hoàn thiện các thủ tục để Di sản Ba Bể - Na Hang được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch thông qua một số hoạt động như: Số hóa các điểm đến, danh lam thắng cảnh, di tích, văn hóa, ẩm thực; xây dựng phương án tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, trên nền tảng ứng dụng du lịch thông minh...

b) Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho ngành nông, lâm nghiệp.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo định hướng kinh tế nông nghiệp với việc hình thành, phát triển các chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết nội tỉnh, nội vùng, giữa các vùng, quốc gia và quốc tế.

- Tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp có lợi thế theo các nhóm sản phẩm chủ lực, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chí và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển kinh tế rừng với 03 trọng tâm gồm phát triển thị trường tín chỉ các-bon, phát triển điện sinh khối, phát

triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, dược phẩm, dược liệu, gỗ và sản phẩm khác. Xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, có hiệu quả cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế đối với rừng sản xuất; phát triển các vùng sản xuất tập trung, đạt tiêu chuẩn bền vững để đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ; nghiên cứu, đề xuất cơ chế phát triển, trồng cây dược liệu dưới tán rừng và sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ; chú trọng phát triển dịch vụ môi trường rừng.

c) Phương hướng phát triển ngành công nghiệp

- Công nghiệp sản xuất chế biến nông, lâm sản, dược phẩm, dược liệu, gỗ và các sản phẩm khác: Lựa chọn để tập trung phát triển một số sản phẩm chế biến chủ lực của Tỉnh gắn với phát triển vùng nguyên liệu, phấn đấu đưa Bắc Kạn trở thành một trong những trung tâm chế biến nông, lâm sản, dược phẩm, dược liệu, gỗ và các sản phẩm khác của vùng.

- Công nghiệp sản xuất và phân phối điện: Thu hút đầu tư phát triển điện gió, điện sinh khối, thủy điện tích năng phù hợp tiềm năng, lợi thế của tỉnh và điều kiện tự nhiên về địa hình, khí hậu; nghiên cứu, phát triển điện mặt trời áp mái và trên mặt nước tại những địa điểm, khu vực phù hợp với định hướng của Quy hoạch điện VIII.

- Công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng: Khai thác, chế biến sâu, chế biến tinh các khoáng sản có giá trị kinh tế là lợi thế của tỉnh gồm: Quặng sắt, sắt mangan, quặng chì, kẽm,… bảo đảm phù hợp Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên sản xuất vật liệu không nung, vật liệu mới thân thiện với môi trường từ nguồn nguyên liệu tại chỗ.

- Công nghiệp hỗ trợ, tiêu dùng: Khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, tái chế, công nghiệp phụ trợ cho các trung tâm sản xuất công nghiệp lớn của vùng, đặc biệt là liên kết với các khu công nghiệp lớn. Ưu tiên chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu có sẵn trên địa bàn Tỉnh như nông, lâm sản và kim loại màu. Thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực may mặc, da giầy, gia công xuất khẩu, góp phần tạo việc làm cho lao động địa phương.

d) Phương hướng phát triển ngành thông tin truyền thông, chuyển đổi số

- Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông phục vụ cho nhu cầu kết nối của toàn dân cũng như công cuộc chuyển đổi số toàn diện; chuyển từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số và khuyến khích phát triển các nền tảng số để ứng dụng trong lĩnh vực Bưu chính. Đẩy mạnh hợp tác với các sàn thương mại điện tử để phát triển hoạt động thương mại điện tử tại địa phương, đặc biệt là tại địa bàn vùng nông thôn.

- Phát triển nền tảng dữ liệu số: Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của Tỉnh, từng bước phát triển kho dữ liệu mở của Tỉnh; nghiên cứu, xây dựng nền tảng giao dịch và các nền tảng đổi mới, sáng tạo dựa trên các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và các hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng của Tỉnh, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia, trong đó tập trung xây dựng các nền tảng đặc thù của Tỉnh.

- Từng bước xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Phương hướng phát triển ngành dịch vụ thương mại

- Phát triển ngành thương mại trở thành điểm tựa để thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động xã hội.

- Phát triển đa dạng các loại hình hạ tầng thương mại phục vụ bán buôn và bán lẻ; có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa hai loại hình truyền thống và hiện đại phù hợp với phong tục, tập quán của từng vùng miền, địa phương.

- Tập trung xuất khẩu các sản phẩm chủ đạo có tiềm năng phát triển và lợi thế cạnh tranh trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, công nghiệp.

b) Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao

- Xây dựng, phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với mục tiêu phát triển con người. Củng cố và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp gắn liền với phát triển du lịch cộng đồng; hoàn thiện một số thiết chế văn hóa trọng điểm. Ưu tiên đầu tư, bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Tỉnh.

- Tuyển chọn, đào tạo tài năng và phát triển một số môn thể thao có thế mạnh, đạt nhiều thành tích cao của Tỉnh. Phát triển công tác giáo dục thể chất và thể thao trong cộng đồng, trường học. Nghiên cứu, phát triển một số môn thể thao gắn với các sản phẩm du lịch, giải trí. Tập trung đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất trong lĩnh vực thể thao từ cấp tỉnh đến cơ sở.

c) Phương hướng phát triển ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển giáo dục - đào tạo một cách toàn diện, hiệu quả, đồng bộ cả về quy mô, chất lượng và cơ sở vật chất. Đầu tư, nâng cấp mở rộng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đặc biệt là đào tạo lao động trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch. Tăng cường giáo dục kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học và trường chuẩn quốc gia; củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Trường Dân tộc nội trú và bán trú. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển giáo dục và đào tạo; nghiên cứu phát triển trường cao đẳng đa ngành, đa nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Tiếp tục quan tâm đến giáo dục ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Phương hướng phát triển lĩnh vực y tế

- Xây dựng lĩnh vực y tế từng bước hiện đại, đồng bộ; nâng cao chất lượng, tỷ lệ khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cấp cơ sở. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế từ cấp xã đến cấp tỉnh.

- Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên môn, chuyên sâu về công tác lâu dài tại địa phương, đặc biệt là tại y tế cấp cơ sở, vùng khó khăn.

- Chú trọng hợp tác và triển khai các mô hình khám, chữa bệnh từ xa, đặc biệt là hợp tác với các bệnh viện lớn tuyến trung ương để nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh và năng lực, trình độ của đội ngũ y tế của Tỉnh.

đ) Phương hướng phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ

Phát triển nhân lực khoa học công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến. Mở rộng đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ về vật liệu mới. Trọng tâm nghiên cứu phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến - chế tạo, cải cách hành chính, quản lý nhà nước, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh, du lịch. Thúc đẩy chuyển đổi số để tạo động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững.

e) Phương hướng phát triển lĩnh vực lao động việc làm và an sinh xã hội

Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng bao trùm, toàn diện; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động sang các ngành, lĩnh vực tạo giá trị gia tăng cao. Cải thiện điều kiện sống của người nghèo, đặc biệt là khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em, bình đẳng giới; làm tốt công tác bảo trợ xã hội, tập trung chăm sóc và trợ giúp các nhóm đối tượng yếu thế có hoàn cảnh đặc biệt, người có công; thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng tệ nạn xã hội.

g) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng, phát triển tỉnh Bắc Kạn giàu mạnh kết hợp chặt chẽ với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn chiến lược; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế gắn với trục động lực: Bao gồm hành lang tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng và tuyến đường quốc lộ 3.

- Hành lang kinh tế gắn với tuyến Quốc lộ 3C.

- Hành lang kinh tế gắn với các trục Đông Tây, Quốc lộ 279, Quốc lộ 3B, trực đường Ba Bể - Thành phố Bắc Kạn.

b) Năm (05) vùng kinh tế - xã hội

- Vùng trung tâm động lực: Bao gồm thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Mới và huyện Bạch Thông. Vùng nằm dọc theo trục động lực gắn với hành lang phát triển QL3, đường cao tốc, với trung tâm là thành phố Bắc Kạn, là đầu tàu cho sự phát triển của toàn Tỉnh.

- Tiểu vùng phía Đông: Bao gồm huyện Na Rì xây dựng vùng nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

- Tiểu vùng phía Tây: Bao gồm huyện Chợ Đồn phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản, công nghiệp cơ khí.. phát triển sản xuất nông nghiệp, du lịch.

- Tiểu vùng phía Tây Bắc: Bao gồm huyện Ba Bể, huyện Pác Nặm, là vùng có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, với hướng phát triển kinh tế chủ yếu tập trung vào du lịch cảnh quan Hồ Ba Bể, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, phát triển dịch vụ, thương mại và công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp phục vụ du lịch.

- Tiểu vùng phía Bắc: Bao gồm huyện Ngân Sơn xây dựng vùng nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

c) Các cực tăng trưởng

- Thành phố Bắc Kạn là cực phát triển tổng hợp, đa dạng đóng vai trò là hạt nhân của vùng trung tâm và là đô thị hạt nhân của Tỉnh sẽ là động lực và là cầu nối giữa các trung tâm đô thị của các đơn vị hành chính trong Tỉnh giúp thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của toàn Tỉnh.

- Huyện Chợ Mới là cực tăng trưởng về công nghiệp - đô thị phía Nam tỉnh Bắc Kạn; phát triển cụm đô thị thị trấn Đồng Tâm và đô thị Sáu Hai với vai trò là đô thị trung tâm của huyện Chợ Mới và là trọng điểm cửa ngõ của tỉnh Bắc Kạn, kết nối với tỉnh Thái Nguyên và vùng Thủ đô; phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên hành lang tuyến cao tốc và quốc lộ 3.

- Huyện Ba Bể là cực tăng trưởng về du lịch với hạt nhân là hồ Ba Bể. Hình thành đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hiện đại, giàu bản sắc với các loại hình du lịch đa dạng, hấp dẫn, có chất lượng cao; phát triển kinh tế ban đêm cho phép đa dạng hóa hoạt động du lịch.

- Huyện Chợ Đồn là cực tăng trưởng về công nghiệp - đô thị - du lịch. Phát triển thị trấn Bằng Lũng có vai trò là trung tâm của huyện Chợ Đồn; phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, hình thành các cụm công nghiệp trên hành lang tuyến quốc lộ 3C và quốc lộ 3B; phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái, nghỉ dưỡng với trọng tâm khu ATK.

d) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã thời kỳ 2023 - 2030

- Giai đoạn 2023 - 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại ĐVHC. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, ĐVHC ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các ĐVHC nông thôn đã được quy hoạch thành ĐVHC đô thị. Việc xác định phạm vi, ranh giới, tên địa lý và triển khai phương án sắp xếp cụ thể các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Hệ thống đô thị tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030

- 01 đô thị đạt một số tiêu chí của đô thị loại II: Thành phố Bắc Kạn.

- 04 đô thị đạt một số tiêu chí của đô thị loại IV: Thị trấn Đồng Tâm, thị trấn Bằng Lũng, thị trấn Yến Lạc, thị trấn Chợ Rã.

- 06 đô thị loại V: Thị trấn Bộc Bố, thị trấn Nà Phặc, thị trấn Vân Tùng, thị trấn Phủ Thông và các đô thị: Sáu Hai, Khang Ninh.

b) Định hướng phát triển thành phố Bắc Kạn

Phát triển thành phố Bắc Kạn lấy dòng sông Cầu là trung tâm, là đô thị động lực, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bắc Kạn. Tập trung phát triển dịch vụ thương mại, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Các xã, thôn, bản phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất, trong đó:

- Đối với các khu vực phát triển mới: Các khu dân cư mới được sắp xếp tại vị trí thuận tiện cho sản xuất của từng khu vực. Mỗi khu dân cư được bố trí đất thương mại, đất sản xuất và đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội kết nối thuận lợi đến các khu vực đô thị và trung tâm dịch vụ.

- Đối với các khu vực dân cư hiện hữu: Giữ gìn không gian cảnh quan, kiến trúc công trình. Bảo tồn không gian nhà ở, công trình văn hóa truyền thống mang nét đặc trưng địa phương, đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc tại từng khu vực.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu công nghiệp, đảm bảo đủ điều kiện, đạt tiêu chuẩn theo quy định, thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đang hoạt động.

- Phát triển, mở rộng các khu công nghiệp đã thành lập và thu hút đầu tư, xây dựng mới thêm một số khu công nghiệp khi Tỉnh được bổ sung chỉ tiêu quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp, đảm bảo đủ điều kiện, đạt tiêu chuẩn theo quy định, thu hút đầu tư, hoàn thiện hạ tầng và tăng tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp đã thành lập.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3. Phương án phát triển khu du lịch

Tổ chức không gian phát triển du lịch, tập trung thu hút đầu tư xây dựng các cụm du lịch:

- Cụm du lịch Ba Bể và phụ cận: Đây là cụm trọng tâm ưu tiên đầu tư phát triển, không gian địa bàn của cụm gồm huyện Ba Bể (hạt nhân là hồ Ba Bể) và huyện Pác Nặm.

- Cụm du lịch thành phố Bắc Kạn và phụ cận: Không gian địa bàn gồm thành phố Bắc Kạn và các huyện: Chợ Mới, Bạch Thông.

- Cụm du lịch ATK Chợ Đồn và phụ cận: Không gian địa bàn gồm huyện Chợ Đồn (hạt nhân là khu di tích quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn liên kết với thành phố Bắc Kạn, hồ Ba Bể, ATK Định Hóa (Thái Nguyên)) và tỉnh Tuyên Quang.

- Cụm du lịch Na Rì - Ngân Sơn: Không gian địa bàn gồm các huyện Na Rì và Ngân Sơn, liên kết với thành phố Bắc Kạn và các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng.

Thu hút đầu tư các tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa - thể thao và sân gôn trên địa bàn Tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

4. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn, tôn tạo, khu bảo tồn đất ngập nước, vườn quốc gia Ba Bể, khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, khu bảo vệ cảnh quan Thác Giềng.

- Duy trì hiện trạng công trình hoặc tu bổ, cải tạo, xây dựng mới phải phù hợp với hiện trạng kiến trúc của khu vực; kiểm soát hoạt động xây dựng, loại hình công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng, kiến trúc công trình xây dựng phù hợp với cảnh quan và đặc trưng văn hóa cần được bảo tồn.

- Hạn chế tối đa các hoạt động có nguy cơ gây sạt lở; quản lý chặt chẽ, hạn chế cấp phép khai thác vật liệu xây dựng, không xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung. Kiểm soát mật độ xây dựng, loại công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng; chú trọng sử dụng các phương pháp chống sạt lở đất. Khuyến khích trồng rừng, cây xanh, các biện pháp bảo vệ đất và lớp phủ thực vật khác.

5. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Phân bố không gian phát triển trồng trọt tập trung:

+ Vùng trồng lúa tập trung phát triển tại các huyện: Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn.

+ Vùng trồng cây hàng năm khác tại thành phố Bắc Kạn và các huyện: Bạch Thông, Ba Bể, Chợ Mới, Na Rì, Chợ Đồn.

+ Vùng trồng cây lâu năm: Phát triển tại các huyện Bạch Thông, Ba Bể, Chợ Đồn, Ngân Sơn, Chợ Mới.

+ Vùng phát triển cây trồng đặc hữu cận ôn đới tại các huyện: Ngân Sơn, Pác Nặm.

+ Vùng trồng dược liệu: Tập trung phát triển các loài dược liệu có thế mạnh, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, sinh thái của từng địa phương.

- Phân bố không gian phát triển chăn nuôi: Xây dựng các trang trại chăn nuôi tập trung, chăn nuôi gia súc.

- Phân bố không gian phát triển lâm nghiệp: Phát triển trồng các loại cây như keo, mỡ, cây quế, cây hồi; phát triển các vùng nguyên liệu tre, nứa.

6. Phương án xác định khu quân sự, an ninh

- Các khu quân sự, an ninh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khu vực phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn (PCCC&CNCH): Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

7. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Thu hút đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và xây dựng hạ tầng xã hội khác để phát triển sinh kế, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Đầu tư phát triển kết cấu xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp nước, cơ sở năng lượng, hạ tầng thương mại dịch vụ (chợ), hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền hình phục vụ khu vực đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp, làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với ổn định và nâng cao thu nhập góp phần nâng cao đời sống đồng bào gắn với rừng.

- Ưu tiên giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; quy hoạch, bố trí sắp xếp, di dời các hộ dân trong vùng thiên tai nguy hiểm gắn với ổn định đời sống dân cư.

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông quốc gia trên địa bàn Tỉnh phù hợp với quy hoạch theo quy định.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp 24 tuyến đường tỉnh với quy mô tối thiểu đường cấp IV - VI miền núi, trong đó nâng cấp cải tạo 12 tuyến đường tỉnh hiện trạng; quy hoạch mới 7 tuyến đường tỉnh; xây dựng, nâng cấp 5 tuyến đường huyện lên đường tỉnh và một số dự án khác khi có điều kiện về nguồn vốn.

b) Đường thủy: Nâng cấp cải tạo tuyến đường thủy sông Năng - hồ Ba Bể và hồ Ba Bể - Chợ Lèng đạt cấp hạng kỹ thuật tối thiểu là cấp V. Hình thành các tuyến đường thủy trên các tuyến sông, hồ phục vụ vận tải dân sinh, phát triển du lịch.

c) Hàng không: Nghiên cứu, xây dựng sân bay chuyên dùng Quân Bình theo nhu cầu khai thác, sử dụng bảo đảm phù hợp Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

d) Công trình hạ tầng giao thông khác

- Bến xe: Xây dựng mới, nâng cấp 9 bến xe khách tại các trung tâm huyện, thành phố của Tỉnh.

- Trung tâm logistics: Xây dựng 3 trung tâm logistics tại huyện Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn và huyện Bạch Thông.

- Xây dựng mới các trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng và các tuyến quốc lộ trên địa bàn Tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của từng địa phương. Từng bước thực hiện đầu tư và cải tạo lưới điện theo quy hoạch. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

- Duy trì, phát triển các nguồn điện hiện có trên địa bàn tỉnh; phát triển mới một số nhà máy điện sinh khối, tổ hợp điện gió, thủy điện và các nguồn năng lượng tái tạo có tiềm năng.

- Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các trạm biến áp, đường dây 220 KV, 110KV để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

- Duy trì hoạt động hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng hiện tại; phát triển thêm các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại huyện, thành phố để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của xã hội về dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ.

- Phát triển mới các trạm thu, phát sóng đáp ứng nhu cầu, đảm bảo cung cấp dịch vụ cho mọi người dân. Tập trung ưu tiên phát triển trạm thu, phát sóng tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các địa điểm du lịch. Phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông khu vực đô thị trên toàn Tỉnh; xây dựng cột treo cáp viễn thông phù hợp với điều kiện từng khu vực.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

- Thủy lợi: Vùng cấp và thoát nước được phân thành 04 lưu vực sông: Sông Cầu, sông Năng, sông Phó Đáy, sông Bắc Giang. Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi (hồ chứa, đập dâng, kè, kênh dẫn, trạm bơm) trên địa bàn Tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cấp nước: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn và các khu chức năng để đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng công trình cấp nước tập trung.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải; sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải: Đầu tư xây dựng 3 khu xử lý chất thải rắn cấp liên huyện và 08 khu xử lý chất thải rắn cấp huyện (bao gồm: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải rắn nguy hại).

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

b) Nghĩa trang

Nghĩa trang đô thị: Đối với thành phố Bắc Kạn, xây dựng mở rộng khu nghĩa trang với diện tích khoảng 60ha. Đối với các thị trấn, xây dựng nghĩa trang tập trung quy mô diện tích khoảng 10 - 15ha.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

6. Phương án phát triển mạng lưới phòng cháy và chữa cháy

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát PCCC& CNCH, được bố trí đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội cảnh sát PCCC & CNCH.

- Xây dựng hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phải đảm bảo đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc CNCH dài nhất, rộng nhất, cao nhất và nặng nhất (thường là xe thang) của lực lượng chữa cháy và CNCH tiếp cận được.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy đảm bảo đáp ứng theo quy định hiện hành.

- Hệ thống thông tin liên lạc PCCC&CNCH phải đảm bảo tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và Trung ương.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế, đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh và tuyến cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

2. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo

Rà soát, sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục phổ thông các cấp, mầm non đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn theo quy định và phục vụ nhu cầu của địa phương. Khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Rà soát, sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở của trường cao đẳng, các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, cấp huyện đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

- Đầu tư trùng tu, tôn tạo, lập hồ sơ công nhận thêm các di tích xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di tích xếp hạng quốc gia, di tích xếp hạng cấp tỉnh; nâng cấp, bảo vệ và phát huy có hiệu quả di tích trên địa bàn Tỉnh.

- Duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh hiện có; huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng bảo tàng, thư viện, nhà hát ca múa nhạc dân tộc, rạp chiếu

phim, trung tâm trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật, quảng trường, công viên cây xanh, khu liên hợp thể dục thể thao, khu luyện tập, thi đấu thể thao dưới nước, trường đua xe địa hình, thể thao mạo hiểm.

- Xây dựng mới khu liên hợp thể thao ở các huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

- Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi) ở các đô thị. Tại thành phố Bắc Kạn xây dựng trung tâm thương mại hạng II, III cùng với việc xây dựng siêu thị các loại. Đối với các đô thị loại IV, xây dựng các trung tâm thương mại hạng III.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng các chợ hạng I, chợ đầu mối thuộc thành phố Bắc Kạn và trung tâm các huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng bảo trợ xã hội

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới Trung tâm Điều dưỡng người có công và công tác xã hội; các công trình ghi công liệt sĩ.

- Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, cơ sở cai nghiện ma túy; khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

7. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các chức năng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Nghiên cứu, xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; phát triển các cơ sở nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số. Đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất.

VIII. PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của Tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện: Triển khai lập các quy hoạch vùng liên huyện bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh và theo quy định.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 07 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của Tỉnh gồm:

a) Vùng huyện Chợ Mới: Tập trung phát triển trở thành trung tâm công nghiệp, đô thị động lực của Tỉnh. Xây dựng đô thị trung tâm huyện cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV làm tiền đề hình thành thị xã trong tương lai. Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng; phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với hành lang tuyến Quốc lộ 3 và tuyến cao tốc Thái Nguyên - Bắc Kạn; phát triển năng lượng tái tạo như điện sinh khối, thủy điện, điện gió; phát triển các khu tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn.

b) Vùng huyện Chợ Đồn: Tập trung phát triển trở thành vùng du lịch lịch sử, văn hóa gắn với khu di tích quốc gia đặc biệt ATK, du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp, thể thao, vui chơi, giải trí; vùng bảo tồn đa dạng sinh học, vùng nông nghiệp tập trung, vùng khai thác và chế biến khoáng sản của Tỉnh. Đầu tư xây dựng trung tâm huyện cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV, phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị.

c) Vùng huyện Bạch Thông: Tập trung đầu tư xây dựng trung tâm huyện đạt tiêu chí đô thị loại V; là khu vực đầu mối giao thông liên vùng, nội tỉnh, tập trung phát triển dịch vụ cho vùng động lực. Phát triển nông, lâm nghiệp tập trung và công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

d) Vùng huyện Ba Bể: Phát triển trở thành khu du lịch quốc gia với hạt nhân là hồ Ba Bể, vùng phát triển đa dạng các loại hình du lịch như: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe, du lịch thể thao, lễ hội, văn hóa. Trở thành vùng đô thị lớn của Tỉnh, phát triển về nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

đ) Vùng huyện Pác Nặm: Tập trung thu hút các nguồn lực phát triển trung tâm huyện trở thành thị trấn. Phát triển nông nghiệp gắn chuỗi giá trị hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phát triển chăn nuôi đại gia súc. Phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái, văn hóa bản sắc.

e) Vùng huyện Ngân Sơn: Tập trung xây dựng thị trấn Vân Tùng và thị trấn Nà Phặc đạt tiêu chí đô thị loại V. Phát triển năng lượng tái tạo như thủy điện, điện

gió. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, sân gôn. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị.

g) Vùng huyện Na Rì: Đầu tư xây dựng trung tâm huyện cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV. Lấy nông, lâm nghiệp làm chủ đạo trong phát triển kinh tế, hình thành vùng nguyên liệu cho chế biến quy mô công nghiệp. Phát triển du lịch gắn với lễ hội, danh lam, thắng cảnh và bảo tồn đa dạng sinh học.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

Vùng bảo vệ môi trường được phân thành các vùng theo yếu tố nhạy cảm về môi trường là vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác.

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm:

+ Khu dân cư tập trung nội thành của thành phố Bắc Kạn.

+ Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt trên các đoạn sông, đoạn suối, hồ chứa thuộc các lưu vực sông Cầu, sông Năng, sông Bắc Giang và sông Phó Đáy.

+ Toàn bộ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của Vườn Quốc gia Ba Bể; khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Nam Xuân Lạc; khu bảo vệ cảnh quan Thác Giềng.

+ Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải gồm:

+ Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên.

+ Khu dân cư tập trung nông thôn; nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V.

- Vùng khác là khu vực còn lại trên địa bàn quản lý của Tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn Quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Nam Xuân Lạc, Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ và Khu bảo vệ cảnh quan Thác Giềng.

- Đầu tư xây dựng 07 cơ sở bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật quý hiếm, gồm: Vườn thực vật, Trung tâm cứu hộ và bảo tồn, phát triển sinh vật và Bảo tàng

thiên nhiên tại Vườn Quốc gia Ba Bể; Vườn thực vật Lũng Lỳ và Vườn ươm Kéo Nàng tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc; Vườn thực vật Cao Sơn và Trung tâm bảo tồn cây Du Sam tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

c) Quan trắc chất lượng môi trường

Đến năm 2030 số điểm quan trắc trên toàn bộ tỉnh Bắc Kạn là 40 điểm quan trắc môi trường không khí, 41 điểm quan trắc môi trường nước mặt, 28 điểm quan trắc môi trường nước ngầm, 25 điểm quan trắc môi trường đất.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 70% đến năm 2030, phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác động của thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, liên kết theo chuỗi từ trồng, bảo vệ, sử dụng rừng đến chế biến gỗ, thương mại lâm sản và dược liệu dưới tán rừng. Quản lý bảo vệ rừng kết hợp với khai thác cảnh quan và các loại hình du lịch gắn với tài nguyên rừng, thực hiện hiệu quả dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp, tạo nên mạng lưới giao thông đa dạng liên hoàn, tăng cường khả năng cơ giới hóa giảm sức người, thu hút các nguồn đầu tư phục vụ cho lâm nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển rừng bền vững, công tác quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

Khoanh định 128 khu vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tập trung khai thác, chế biến sâu các sản phẩm mà Tỉnh có tiềm năng, lợi thế như tinh quặng chì, kẽm. Đối với nhu cầu sử dụng đất công trình phụ trợ mỏ quy mô mỏ thực hiện điều chỉnh để cấp phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành; cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng phù hợp với nhu cầu địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) Nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) Nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) Nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) Nhu cầu nước cho thủy sản; (6) Nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng trong điều kiện bình thường: Với tổng trữ lượng nước phân bổ không vượt quá 564 triệu m^3/năm.

- Phân bổ nguồn nước trong điều kiện hạn hán, thiếu nước với tổng trữ lượng nước phân bổ không vượt quá 456 triệu m^3/năm.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các khu vực dùng nước, các hồ, sông suối chính nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong khai thác tài nguyên nước đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước, giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải.

- Xác định, giám sát và duy trì dòng chảy tối thiểu cho các sông, suối. Tăng cường các giải pháp bảo vệ nguồn sinh thủy.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống thông tin khí tượng thủy văn phục vụ theo dõi, phát hiện hạn. Thực hiện các nguyên tắc quản lý vận hành các hồ chứa nước và nước ngầm phù hợp với việc chống hạn. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn Tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai

- Vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét: Các sườn dốc, các tuyến đường giao thông trên địa bàn toàn Tỉnh.

- Vùng có nguy cơ sạt lở đất tại các khu vực đồi núi cao, sườn dốc lớn, bờ sông, suối tại các huyện, thành phố.

- Vùng bị ảnh hưởng do lũ, ngập lụt tại các lưu vực sông, suối, hồ đập, các khu vực trũng, thấp.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Củng cố, tu sửa, tu bổ và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Tăng cường phòng ngừa kết hợp với phương châm "4 tại chỗ". Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Phát triển và ứng dụng công nghệ cao sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn Tỉnh.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bố trí nguồn vốn đầu tư ưu tiên cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng nhằm dẫn dắt, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế khác, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững các vùng động lực tăng trưởng của Tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh; tập tung hút nguồn lực xã hội hóa để phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh, trong đó chú trọng phát triển các ngành du lịch, chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo.

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Có chính sách thu hút nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có tay nghề, kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Tập trung thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, tạo đột phá quy mô đào tạo.

3. Nhóm giải pháp về môi trường, khoa học công nghệ

a) Giải pháp về môi trường

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ

- Chủ động triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách khoa học công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội gắn với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia các chuỗi giá trị.

- Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong chuyển đổi số, từng bước xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

- Liên kết với các tỉnh trong vùng và cả nước tạo cơ hội phát triển các ngành lĩnh vực mà Tỉnh có lợi thế. Thúc đẩy hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nâng cao năng lực của chính quyền đáp ứng yêu cầu quản lý đối với đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm vùng hiện đại, thông minh. Điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị.

- Quản lý chặt chẽ, bảo đảm xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hóa.

6. Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Công bố, phổ biến và triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh

1. Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn;

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Quy hoạch;

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh;

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng

thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, tư pháp về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan và quy định hiện hành; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại Văn bản số 7296/UBND-GTCNXD ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

5. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2021	Đến năm 2030	
1	Thành phố Bắc Kạn	III	II	
2	Thị trấn Đồng Tâm	V	IV	
3	Đô thị Sáu Hai	-	V	
4	Thị trấn Phủ Thông	V	V	
5	Thị trấn Nà Phặc	V	V	
6	Thị trấn Vân Tùng	V	V	
7	Thị trấn Bằng Lũng	V	IV	
8	Thị trấn Chợ Rã	V	IV	
9	Đô thị Khang Ninh	-	V	
10	Thị trấn Bộc Bố	V	V	
11	Thị trấn Yến Lạc	V	IV	

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
A	**Các Khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ**			
I	**Khu công nghiệp đã thành lập**			
1	KCN Thanh Bình - Giai đoạn I	Huyện Chợ Mới	80,7	
1.1	*Quy mô diện tích hiện có*		*73,5*	
1.2	*Quy mô diện tích mở rộng*		*7,2*	
2	KCN Thanh Bình - Giai đoạn II	Huyện Chợ Mới	80,3	
	Tổng cộng I		**161**	
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**			
	KCN Chợ Mới 1	Huyện Chợ Mới	43	
	Tổng cộng II		**43**	
	Tổng cộng (I+II)		**204**	
B	**Các khu công nghiệp có tiềm năng, dự kiến thành lập mới trong trường hợp được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**			
1	KCN Chợ Mới 1	Huyện Chợ Mới	257	Mở rộng
2	KCN Chợ Mới 2	Huyện Chợ Mới	200	Thành lập mới
3	KCN Chợ Mới 3	Huyện Chợ Mới	300	
4	KCN Chợ Mới 4	Huyện Chợ Mới	500	
5	KCN Chợ Mới 5	Huyện Chợ Mới	500	
6	KCN Bạch Thông	Huyện Bạch Thông	400	
	Tổng cộng		**2.157**	

Ghi chú: Quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục III

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	**Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật**			
1	CCN Huyền Tụng	Thành phố Bắc Kạn	16	Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liêu, dệt may, da giầy, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí, tái chế và các lĩnh vực khác
2	CCN Quảng Chu	Huyện Chợ Mới	74,4	
3	CCN Cẩm Giàng	Huyện Bạch Thông	43	Công nghiệp sản xuất kim loại, Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí và các lĩnh vực khác
4	CCN Vằng Mười	Huyện Na Rì	15	Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược liêu, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí và các lĩnh vực khác
5	CCN Nam Bằng Lũng	Huyện Chợ Đồn	20	Công nghiệp chế biến khoáng sản, sản xuất kim loại; chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liệu, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí, tái chế, xử lý chất thải và các lĩnh vực khác
6	CCN Chu Hương	Huyện Ba Bể	18	Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liệu, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác
	Tổng cộng		**186,4**	

TT	Tên Cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
II	**Các cụm công nghiệp thành lập mới**			
1	CCN Lủng Điếc	Huyện Ba Bể	10	Công nghiệp chế biến khoáng sản, sản xuất kim loại; chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liệu, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí, tái chế, xử lý chất thải và các lĩnh vực khác
2	CCN Bản Thi	Huyện Chợ Đồn	15	
3	CCN Ngọc Phái	Huyện Chợ Đồn	30	
4	CCN Bình Trung	Huyện Chợ Đồn	10	
5	CCN Bằng Phúc	Huyện Chợ Đồn	20	Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liêu, dệt may, da giầy, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí, xử lý, tái chế chất thải rắn, chất thải nguy hại và các lĩnh vực khác
6	CCN Quảng Chu 1	Huyện Chợ Mới	70	
7	CCN Khe Lắc	Huyện Chợ Mới	15	
8	CCN Thanh Thịnh	Huyện Chợ Mới	50	
9	CCN Côn Minh	Huyện Na Rì	10	Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược liệu, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí và các lĩnh vực khác
10	CCN Pù Pết	Huyện Ngân Sơn	15	Chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác
11	CCN Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	20	
12	CCN Huyền Tụng 1	Thành phố Bắc Kạn	40	Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liệu, dệt may, da giầy, hàng tiêu dùng, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí và các lĩnh vực khác
13	CCN Huyền Tụng 2	Thành phố Bắc Kạn	30	
14	CCN Nông Thượng	Thành phố Bắc Kạn	15	
15	CCN Tân Tú	Huyện Bạch Thông	15	Công nghiệp sản xuất kim loại, Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, sản
16	CCN Quân Hà	Huyện Bạch Thông	15	

TT	Tên Cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
17	CCN Yên Phong	Huyện Chợ Đồn	25	xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí và các lĩnh vực khác
18	CCN Thanh Mai	Huyện Chợ Mới	20	Chế biến nông, lâm sản, đồ uống, thực phẩm, dược liệu, dệt may, da giầy, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí, tái chế và các lĩnh vực khác
19	CCN Thanh Vận	Huyện Chợ Mới	40	
20	CCN Kim Lư	Huyện Na Rì	15	Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược liệu, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí và các lĩnh vực khác
21	CCN Pác Nặm	Huyện Pác Nặm	10	
	Tổng cộng		**490**	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG, VĂN HÓA THỂ THAO VÀ SÂN GÔN TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I	**Các dự án triển khai thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ**	
1	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Chợ Mới 1	Huyện Chợ Mới
2	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Chợ Mới 2	Huyện Chợ Mới
3	Tổ hợp khu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Bạch Thông	Huyện Bạch Thông
4	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Ba Bể 2	Huyện Ba Bể
5	Tổ hợp khu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
6	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Ba Bể 3	Huyện Ba Bể
II	**Các dự án tiềm năng, dự kiến triển khai thực hiện khi được điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**	
1	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Ba Bể 1	Huyện Ba Bể
2	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
3	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Chợ Mới 3	Huyện Chợ Mới
4	Tổ hợp khu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân gôn Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh dưới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện.

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô tối thiểu dự kiến (cấp đường/số làn xe)
A	**CAO TỐC**			
1	Đoạn Chợ Mới - Thành phố Bắc Kạn			4 làn xe
2	Đoạn Bắc Kạn - Cao Bằng *(Trường hợp huy động được nguồn lực báo cáo cấp thẩm quyền triển khai thực hiện)*	QL3B, thành phố Bắc Kạn	Huyện Ngân Sơn	4 làn xe
B	**ĐƯỜNG TỈNH**			
I	**Đường tỉnh hiện có cải tạo, nâng cấp**			
1	Đường tỉnh 253	Huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể	IV.MN 2 làn xe
2	Đường tỉnh 253B	Huyện Bạch Thông	Huyện Na Rì	V.MN
3	Đường tỉnh 254B	Huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	V.MN
4	Đường tỉnh 256	Huyện Chợ Mới	Huyện Na Rì	V.MN
5	Đường tỉnh 257B	Huyện Chợ Đồn	Huyện Ba Bể	V.MN
6	Đường tỉnh 257C	Huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	V.MN
7	Đường tỉnh 259B	Huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Đồn	V.MN

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	**Quy mô tối thiểu dự kiến** (cấp đường/số làn xe)
II	**Đường tỉnh hiện có, điều chỉnh chiều dài tuyến**			
1	Đường tỉnh 251	Huyện Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn	V.MN
2	Đường tỉnh 252B	Huyện Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn	V.MN
3	Đường tỉnh 258	Huyện Bạch Thông	Huyện Ba Bể	IV.MN 2 làn xe
4	Đường tỉnh 258B	Huyện Ba Bể	Huyện Pác Nặm	V.MN
5	Đường tỉnh 259	Thành phố Bắc Kạn	Huyện Chợ Mới	V.MN
III	**Đường tỉnh quy hoạch mới**			
1	Tuyến đường liên kết, kết nối giữa tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Tuyên Quang	Huyện Na Rì	Huyện Chợ Đồn	III.MN 2 làn xe
2	Tuyến đường liên kết, kết nối giữa tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Lạng Sơn	Huyện Bạch Thông	Huyện Na Rì	III.MN 2 làn xe
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Thành phố Bắc Kạn	Huyện Chợ Đồn	III-IV.MN 2 làn xe
4	Tuyến đường Vành đai TP Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	IV.MN 2 làn xe
5	Tuyến Quảng Khê - Khang Ninh	Huyện Ba Bể	QL3C, Huyện Ba Bể	VI.MN
6	Tuyến Nà Phặc - Thượng Quan - Thuần Mang - Văn Vũ - Cường Lợi	Huyện Ngân Sơn	Huyện Na Rì	VI.MN

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	**Quy mô tối thiểu dự kiến** (cấp đường/số làn xe)
7	Tuyến Thanh Vận - Hòa Mục	Huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	IV.MN 2 làn xe
IV	**Đường tỉnh nâng cấp từ đường huyện**			
1	Đường Thanh Vận - Cao Kỳ - Yên Cư	Huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	V.MN
2	Tuyến Mù Là - Hồng Thái (Tuyên Quang)	Huyện Pác Nặm	Huyện Pác Nặm	VI.MN
3	Tuyến Lương Bằng - Linh Phú (Tuyên Quang)	Huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	V.MN
4	Tuyến Công Bằng - Yên Thổ (Cao Bằng)	Huyện Pác Nặm	Xã Công Bằng, huyện Pác Nặm (giáp ranh giới tỉnh Cao Bằng)	V.MN
5	Tuyến Quang Phong - Đổng Xá - Liêm Thủy - Xuân Dương - Thiện Long	QL3B, huyện Na Rì	Xã Xuân Dương, huyện Na Rì (giáp ranh tỉnh Lạng Sơn)	V.MN

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Đến năm 2030	
I	**Thủy điện**			**81,9**	
1	**Các dự án thủy điện đang vận hành dự kiến điều chỉnh công suất**		**17,7**	**22,5**	
1.1	Khuổi Thốc	Huyện Bạch Thông	3,0	3,9*	
1.2	Nậm Cắt 2	Huyện Bạch Thông	6,0	5,0*	
1.3	Khuổi Nộc 2	Huyện Na Rì - Ngân Sơn	4,2	6,6*	
1.4	Tà Làng	Huyện Ba Bể	4,5	7,0*	
2	**Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030**			**20,2**	.
2.1	Sông Năng	Huyện Ba Bể		5,0	
2.2	Sông Cầu 2	Huyện Chợ Mới		5,2	
2.3	Bộc Bố	Huyện Pác Nặm		3,5	
2.4	Sông Cầu 3	Huyện Chợ Mới		6,5	
3	**Các dự án thủy điện tiềm năng** (Dự kiến thu hút đầu tư các dự án thủy điện kết hợp hồ	Các huyện, thành phố		**39,2**	

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Đến năm 2030	
	chứa nước trên địa bàn vùng CT229 và phụ cận: Thủy điện Nghĩa Tá, thủy điện Yên Thịnh, thủy điện Bằng Lãng - huyện Chợ Đồn; thủy điện Văn Vũ - huyện Na Rì; thủy điện Thượng Quan, thủy điện Lãng Ngâm - huyện Ngân Sơn; thủy điện Đôn Phong - huyện Bạch Thông; thủy điện Dương Quang - thành phố Bắc Kạn và dự án thủy điện tiềm năng khác).				
II	**Các dự án điện sinh khối tiềm năng** (Dự kiến thu hút đầu tư các Nhà máy điện sinh khối: Cẩm Giàng; Chợ Mới; Bắc Kạn 1; Na Rì; Chợ Đồn và các dự án điện sinh khối tiềm năng khác)			**220**	
III	**Các dự án điện gió tiềm năng** (Dự kiến thu hút đầu tư các Nhà máy điện gió: Đèo Gió; Thượng Quan; Thượng Quan 1; Thượng Quan 2; Ngân Sơn; Thiên Long 3; Thiên Long 4; Thiên Long - Chợ Mới; Thiên Long - Na Rì; Thiên			**2.680**	

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Đến năm 2030	
	Long 1; Thiên Long 2; Thiên Long - Ngân Sơn; Yên Hạ; Chợ Mới 1; Chợ Mới 2; Pắc Nặm; Na Rì; Chợ Đồn; TTP Ngân Sơn; Bạch Thông; Hương Nê; Ba Bể và các dự án điện gió tiềm năng khác)				
IV	**Các dự án điện mặt trời và điện rác tiềm năng**			**101,24**	
1	Điện mặt trời tự sản tự tiêu	Các huyện, thành phố		100	
2	Các dự án điện rác tiềm năng	Các huyện, thành phố		1,24	

Ghi chú:

(*) Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Việc đầu tư các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030 và các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

B. LƯỚI ĐIỆN

I. TRẠM BIẾN ÁP 220KV (BỔ SUNG THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến (MVA)	Ghi chú
	Trạm biến áp 220 kV Bắc Kạn	375	

II. ĐƯỜNG DÂY 220KV (BỔ SUNG THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

TT	Đường dây 220 kV	Chiều dài dự kiến (Km)	Ghi chú
	Treo dây mạch 2 Cao Bằng - Bắc Kạn	71	

III. TRẠM BIẾN ÁP 110KV

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Chi chú
		Hiện tại	Quy hoạch đến năm 2030	
I	**Nâng cấp cải tạo**			
1	Bắc Kạn (E26.1)	40	65	Nâng công suất MBA T2 từ 25MVA lên 40MVA
2	Chợ Đồn (E26.2)	25	50	Lắp bổ sung MBA T2
II	**Quy hoạch mới**			
1	Thanh Bình		25	
2	Na Rì		25	
3	Ba Bể		25	
4	Nà Phặc		25	
5	Ngọc Linh		25	
6	Chợ Mới		50	
7	Pác Nặm		50	
8	CN Cẩm Giàng (SK BK)		65	

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Chi chú
		Hiện tại	Quy hoạch đến năm 2030	
9	Điện gió Yên Hạ		80	
10	Điện gió SD Chợ Mới 1		63	
11	Điện gió SD Chợ Mới 2		90	
12	Điện sinh khối Bắc Kạn 1 (chợ mới)		63	
13	Điện gió Thiên Long - Chợ Mới 3		63	
14	Điện gió Thiên Long -NaRì		63	
15	Điện gió Ngân Sơn		126	
16	Điện gió TTP Ngân Sơn		63	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

IV. ĐƯỜNG DÂY 110KV

TT	Danh mục đường dây	Tiết diện dự kiến	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
I	**Đường dây 110kV nâng cấp cải tạo**			
1	TBA Bắc Kạn (E26.1) - Phú Lương	AC 240	11	Cải tạo từ 1 mạch lên 2 mạch và tăng tiết diện từ 185mm^2 lên 240mm^2

TT	Danh mục đường dây	Tiết diện dự kiến	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
2	TBA Bắc Kạn (E26.1) - Cao Bằng	AC 240	30	Nâng tiết diện từ AC 185mm^2 lên AC 240mm^2
3	TBA Bắc Kạn (E26.1) - Chợ Đồn	AC 240	32	Nâng tiết diện từ AC 185mm^2 lên AC 240mm^2
II	**Đường dây 110kV xây dựng mới**			
1	Từ thanh cái 220kV Bắc Kạn - 110kV Na Rì	AC 240	38	
2	DZ 110kV Na Rì - Lạng Sơn	AC 240	50	
3	Đoạn rẽ nhánh Cao Bằng - TBA 110kV Nà Phặc	AC 240	1.5	
4	Từ thanh cái 220kV Bắc Kạn - TBA 110kV Cẩm Giàng	ACSR 185	3.3	
5	Đường dây 110kV Chợ Đồn - Na Hang (Tuyên Quang)	AC 240	60	
6	Đoạn rẽ nhánh Thái Nguyên - TBA 110kV Thanh Bình	AC 240	1.5	
7	Đường dây Chợ Đồn - Ba Bể	AC 240	35	
8	Đường dây Nà Phặc - Ba Bể	AC 240	30	
9	Nhánh rẽ TBA Nà Phặc	ACSR 240/39	15	
10	DZ 110kV Chợ Đồn - Ngọc Linh	AC240	6	
11	Đoạn rẽ nhánh Thái Nguyên - TBA 110kV Chợ Mới	AC240	4.5	
12	TBA 110kV Ba Bể - 110kV Pắc Nặm	AC240	25	

TT	Danh mục đường dây	Tiết diện dự kiến	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
13	Đoạn rẽ nhánh Cao Bằng - TBA 110kV điện gió Ngân Sơn	AC 240	5	
14	Nhánh rẽ TBA 110kV ĐG Chợ Mới 1	AC 240	15	
15	Nhánh rẽ TBA 110kV ĐG Chợ Mới 2	AC 240	5	
16	Đường dây 110kV mạch kép cho nhà máy điện gió Yên Hạ (đấu nối chuyển tiếp 110kV Bắc Kạn - Phú Lương)	AC 240	8.7	
17	DZ 110kV TBA ĐG Thiên Long - Chợ Mới 3	AC 240	15	
18	DZ 110kV TBA ĐG Thiên Long - Na Rì	AC 240	13	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây 110kV căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, CẤP NƯỚC TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TT	Danh mục	Địa điểm
I	**Dự án nâng cấp cải tạo**	
1	Nâng cấp, cải tạo kiên cố hóa kênh mương	Huyện Ba Bể, Bạch Thông, Ngân Sơn, Pác Nặm, Chợ Mới, Chợ Đồn; Tp. Bắc Kạn
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và nâng cao an toàn đập dâng	Huyện Ba Bể, Bạch Thông, Ngân Sơn, Pác Nặm, Chợ Mới; Tp. Bắc Kạn
3	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình hồ tích nước thủy lợi	Huyện Bạch Thông, Pác Nặm, Chợ Mới
4	Sửa chữa, nâng cấp 05 hồ chứa nước (Hồ Pác Nghiêng, Bản Chang, Nà Kiến, Nà Lẹng, Nà Quang) và sửa chữa hệ thống kênh tưới, các hạng mục phụ trợ	Huyện Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ngân Sơn
II	**Dự án đề xuất mới**	
1	Xây dựng mới hai đập dâng (đập dâng số 1 tại vị trí hạ lưu cầu Dương Quang, đập dâng số 2 tại vị trí hạ lưu cầu Huyền Tụng) trên sông Cầu	Thành phố Bắc Kạn
2	Hồ chứa nước giáp suối Khuổi Dủm, Khuổi Lặng	Thành phố Bắc Kạn
3	Hồ chứa nước Nà Mang, Cốc Bây, Khuổi Hương	Huyện Bạch Thông

TT	Danh mục	Địa điểm
4	Cụm công trình đầu mối 06 hồ chứa nước (Quan Làng, Nà Bang, Khuổi Thiêu, Khuổi Lình; Khuổi Tráng; Phai Khít) và hệ thống kênh tưới	Huyện Bạch Thông; Chợ Đồn; Na Rì
5	Hồ Pá Din, Khuổi Quang, Cặm Tán và các công trình kênh mương	Huyện Chợ Mới
6	Hồ Thôm Luông, Khuổi Đăm, Khuổi Căng, Khuổi Mụ, Khuổi Vạc	Huyện Na Rì
7	Mở rộng hồ Bản Chang	Huyện Ngân Sơn
8	Hồ Giả Ve (xã Bộc Bố)	Huyện Pác Nặm
9	Đập dâng Nà Dài	Huyện Na Rì

B. DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m^3/ngđ)	Địa điểm
A	**CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ**		
I	**Nhà máy nước hiện trạng giữ nguyên công suất**		
1	Nhà máy nước Yến Lạc 1	150,00	Thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì
2	Nhà máy nước Đền Thắm	150,00	Thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới
3	Nhà máy nước Khu Chợ	350,00	Thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới
4	Nhà máy nước Bằng Lũng 1	300,00	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn
5	Nhà máy nước Bắc Kạn	8.000,00	Thành phố Bắc Kạn
II	**Nhà máy nước hiện có cải tạo, nâng công suất**		
1	Nhà máy nước Nà Phặc	2.700,00	Thị trấn Nà Phặc, Huyện Ngân Sơn
2	Nhà máy nước Yến Lạc 2	1.800,00	Thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì
3	Nhà máy nước Yên Đĩnh	2.000,00	Thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m^3/ngđ)	Địa điểm
4	Nhà máy nước Phủ Thông	3.500,00	Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông
5	Nhà máy nước Bằng Lũng 2	3.000,00	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn
6	Nhà máy nước Chợ Rã	1.700,00	Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể
7	Nhà máy nước Bộc Bố	1.900,00	Thị trấn Bốc Bố, huyện Pác Nặm
8	Nhà máy nước Vân Tùng	2.100,00	Thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn
III	**Nhà máy nước xây mới**		
1	Nhà máy nước Sáu Hai	1.100,00	Đô thị Sáu Hai
2	Nhà máy nước Nặm Cắt	24.300,00	Thành phố Bắc Kạn
3	Nhà máy nước KCN Thanh Bình	13.100,00	Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới
4	Nhà máy nước ĐT Khang Ninh	1.400,00	Đô thị Khang Ninh
B. CẤP NƯỚC NÔNG THÔN Các công trình cấp nước nông thôn được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 80% được sử dụng nước sạch.			

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các khu xử lý	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
1	Khu xử lý Khuổi Ỏ xã Nhạn Môn	Huyện Pác Nặm	10
2	Khu xử lý Lủng Điếc xã Bành Trạch	Huyện Ba Bể	25 - 30
3	Khu xử lý Trần Phú xã Trần Phú	Huyện Na Rì	10 - 15
4	Khu xử lý Yên Đĩnh, thị trấn Đồng Tâm	Huyện Chợ Mới	10
5	Khu xử lý Bản Tàn thị trấn Bằng Lũng	Huyện Chợ Đồn	10 - 15
6	Khu xử lý Khuổi Mật, phường Huyền Tụng	Thành phố Bắc Kạn	20 - 30
7	Khu xử lý Khuổi Xỏn, thị trấn Phủ Thông	Huyện Bạch Thông	10
8	Khu xử lý Vân Tùng	Huyện Ngân Sơn	10
9	Khu xử lý liên vùng huyện Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn	40
10	Khu xử lý liên vùng huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	60
11	Khu xử lý liên vùng huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	60

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục IX

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, PHÂN BỐ KHÔNG GIAN CÁC NGHĨA TRANG TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nghĩa Trang	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
A	**Nghĩa trang khu vực đô thị**		
1	Nghĩa trang Tp. Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	30-60
2	Nghĩa trang thị trấn Đồng Tâm	Huyện Chợ Mới	10-15
3	Nghĩa trang Sáu Hai		5-10
4	Nghĩa trang thị trấn Phủ Thông	Huyện Bạch Thông	5-10
5	Nghĩa trang thị trấn Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	5-10
6	Nghĩa trang thị trấn Vân Tùng		5-10
7	Nghĩa trang thị trấn Bằng Lũng	Huyện Chợ Đồn	10-15
8	Nghĩa trang thị trấn Chợ Rã	Huyện Ba Bể	10-15
9	Nghĩa trang Khang Ninh		5-10
10	Nghĩa trang thị trấn Bộc Bố	Huyện Pác Nặm	5-10
11	Nghĩa trang thị trấn Yến Lạc	Huyện Na Rì	10-15
B	**Nghĩa trang khu vực nông thôn** Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến 5-10ha		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PCCC & CNCH TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đơn vị	Địa điểm
1	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH Ba Bể	Huyện Ba Bể
2	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
3	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH Na Rì	Huyện Na Rì
4	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH TP Bắc Kạn	TP. Bắc Kạn
5	Trụ sở Đội CS CNCH chuyên sâu	TP. Bắc Kạn
6	Trung tâm GD cộng đồng và huấn luyện PCCC & CNCH	Huyện Bạch Thông hoặc TP. Bắc Kạn
7	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn
8	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH Pác Nặm	Huyện Pác Nặm
9	Trụ sở Đội CS PCCC & CNCH Bạch Thông	Huyện Bạch Thông

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát PCCC & CNCH sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến (giường)
I	***Công trình xây dựng mới***		
1	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Bắc Kạn	≥ 75 giường
2	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn	≥ 100 giường
3	Trung tâm Pháp Y và Giám định Y khoa	Thành phố Bắc Kạn	
II	***Công trình nâng cấp cải tạo***		
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	≥ 700 giường
3	Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông	Huyện Bạch Thông	≥ 100 giường
4	Trung tâm Y tế huyện Na Rì	Huyện Na Rì	≥ 120 giường
5	Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm	Huyện Pác Nặm	≥ 100 giường
6	Trung tâm Y tế huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể	≥ 130 giường
7	Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	≥ 135 giường
8	Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	≥ 110 giường
9	Trung tâm Y tế thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	≥ 90 giường

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm	Số lượng tối thiểu
I	**Trường THPT**		
1	PTDT nội trú tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	1
2	THPT Chuyên	Thành phố Bắc Kạn	1
3	THPT Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	1
4	THPT Ba Bể	Huyện Ba Bể	1
5	THPT Phủ Thông	Huyện Bạch Thông	1
6	THPT Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	1
7	THPT Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	1
8	THPT Na Rì	Huyện Na Rỳ	1
9	THPT Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn	1
10	THPT Bộc Bố	Huyện Pác Nặm	1
II	**Trường liên cấp THCS&THPT**		
1	THCS&THPT Bình Trung	Huyện Chợ Đồn	1
2	THCS&THPT Yên Hân	Huyện Chợ Mới	1
3	THCS&THPT Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	1
4	THCS&THPT Quảng Khê	Huyện Ba Bể	1
III	**Trường phổ thông dân tộc nội trú**		
	Trường phổ thông dân tộc nội trú	Các huyện	6
IV	**Trường Mầm non**		
	Trường Mầm non	Các huyện, thành phố	110
V	**Trường liên cấp THCS&THPT ngoài công lập**		
	THCS&THPT Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	1

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch cấp huyện, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
1	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	10,61
2	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể	0,53
3	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bạch Thông	Huyện Bạch Thông	0,40
4	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	0,85
5	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	0,15
6	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn	0,25
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Pác Nặm	Huyện Pác Nặm	0,61
8	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Na Rì	Huyện Na Rì	0,38

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Công trình văn hóa**		
1	Bảo tàng tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	2
2	Rạp chiếu phim	Thành phố Bắc Kạn	3
3	Nhà Đoàn nghệ thuật dân tộc tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	13
4	Nhà văn hóa lao động hoặc Cung Văn hóa lao động cấp tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	4
5	Trung tâm trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật cấp tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	3
6	Thư viện tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	2
7	Quảng trường	Thành phố Bắc Kạn	
II	**Công trình thể thao**		
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Bắc Kạn	20
2	Trường đua xe địa hình	Huyện Bạch Thông	20 - 30
3	Khu liên hợp thể thao các huyện: Bạch Thông, Ngân Sơn, Ba Bể, Na Rì, Chợ Đồn, Chợ Mới, Pác Nặm	Các huyện	6-8ha/huyện

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁN TRIỂN CÁC CHỢ ĐẦU MỐI (HẠNG I) TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Công trình chợ hạng I hiện trạng**		
	Chợ thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	1,02
II	**Nâng cấp cải tạo từ chợ hiện trạng lên chợ hạng I**		
1	Chợ Đức Xuân	Thành phố Bắc Kạn	0,6 -1,0
2	Chợ trâu bò xã Nghiên Loan	Huyện Pác Nặm	2-5
3	Chợ trâu bò xã Công Bằng	Huyện Pác Nặm	2-5
4	Chợ TT huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể	0,5-1,0
5	Chợ thị trấn Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn	0,5-1,0
6	Chợ thị trấn Phủ Thông	Huyện Bạch Thông	0,5-1,0
7	Chợ thị trấn Bằng Lũng	Huyện Chợ Đồn	0,5-1,0
8	Chợ TT Chợ Mới	Huyện Chợ Mới	0,5-1,0
9	Chợ đầu mối nông sản huyện Na Rì	Huyện Na Rì	0,5-1,0
III	**Công trình chợ hạng I xây dựng mới**		
	Chợ Nông Thượng	Thành phố Bắc Kạn	3,0

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN AN SINH XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Công trình nâng cấp cải tạo**		
1	Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh	Huyện Bạch Thông	1,0
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bắc Kạn cơ sở 1	Thành phố Bắc Kạn	
3	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	7,6
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	1,9
II	**Công trình xây dựng mới**		
	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bắc Kạn cơ sở 2	Huyện Ba Bể	2,1

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục XVII

CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
I	**Loại đất**						
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	***459.756***	***94,60***	***452.621***	***93,13***	***-7.135***
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	19.428	4,00	18.020	3,71	-1.408
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*10.556*	*2,17*	*10.074*	*2,07*	*-482*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.810	1,81	8.347	1,72	-463
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	82.913	17,06	79.726	16,40	-3.187
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	28.835	5,93	28.867	5,94	32
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	301.766	62,09	296.687	61,05	-5.079
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	*156.340*	*32,17*	*154.598*	*31,81*	*-1.742*
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	***20.089***	***4,13***	***30.382***	***6,25***	***10.293***
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3.950	0,81	4.976	1,02	1.026
2.2	Đất an ninh	CAN	47	0,01	227	0,05	180
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	62	0,01	204	0,04	142

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		0,00	676	0,14	676
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	41	0,01	1.017	0,21	976
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	178	0,04	338	0,07	160
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.179	0,24	2.232	0,46	1053
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	6.201	1,28	10.042	2,07	3.841
	Trong đó:						
-	Đất giao thông	DGT	5.235	1,08	7.584	1,56	2.349
-	Đất thủy lợi	DTL	378	0,08	1.074	0,22	696
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	65	0,01	128	0,03	63
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	72	0,01	90	0,02	18
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	295	0,06	394	0,08	99
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	39	0,01	153	0,03	114
-	Đất công trình năng lượng	DNL	108	0,02	600	0,12	492
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	9	0,00	19	0,00	10

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	3	0,00	3	0,00	0
2.10	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4	0,00	33	0,01	29
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	173	0,04	374	0,08	201
2.12	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5	0,00	135	0,03	130
2.13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32	0,01	252	0,05	220
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	375	0,08	550	0,11	175
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.149	0,44	3.063	0,63	914
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	506	0,10	1.208	0,25	702
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	113	0,02	138	0,03	25
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	18	0,00	21	0,00	3
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	***6.151***	***1,27***	***2.993***	***0,62***	***-3.158***
II	**Khu chức năng (*)**						
1	Đất khu công nghệ cao	KCN					
2	Đất khu kinh tế	KKT					
3	Đất đô thị	KDT	***24.399***	***5,02***	***30.846***	***6,35***	***6.447***

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	***44.542***	***9,17***	***45.644***	***9,39***	***1.102***
5	Khu lâm nghiệp	KLN	***413.514***	***85,09***	***405.280***	***83,39***	***-8.234***
6	Khu du lịch	KDL					
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	***28.757***	***5,92***	***28.867***	***5,94***	***110***
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC	***62***	***0,01***	***880***	***0,18***	***818***
9	Khu đô thị	DTC					
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	***41***	***0,01***	***1.017***	***0,21***	***976***
11	Khu dân cư nông thôn	DNT	***20.193***	***4,15***	***21.288***	***4,38***	***1.095***
(*) Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.							

Ghi chú:

- (3) Mã loại đất thực thiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

Phụ lục XVIII

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	
1	Thành phố Bắc Kạn	Nội thị của thành phố Bắc Kạn
2	Vườn Quốc gia Ba Bể	Toàn bộ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái
3	Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ	Toàn bộ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái
4	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Nam Xuân Lạc	Toàn bộ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái
5	Khu bảo vệ cảnh quan Thác Giềng	Toàn bộ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái
6	Nguồn nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt	- Vùng sinh thủy: Rừng đầu nguồn xung yếu hoặc rất xung yếu phân bố chủ yếu ở những nơi đồi núi cao có độ dốc lớn ở khu vực phân thủy của các lưu vực sông. - Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt trên các đoạn sông, đoạn suối, hồ chứa thuộc các lưu vực sông Cầu, sông Năng, sông Bắc Giang và sông Phó Đáy
7	Di tích lịch sử - văn hóa	Khu vực bảo vệ I của các di tích lịch sử - văn hóa, bao gồm: - Di tích cấp quốc gia đặc biệt: (ATK) Chợ Đồn (gồm 25 điểm di tích). - Di tích cấp quốc gia: Nà Tu, Địa điểm Đồn Phủ Thông, Động Nàng Tiên, Địa điểm Chiến thắng đèo Giàng, Địa điểm Lưu niệm Bác Hồ, Động Áng Toòng, Hang Nà Mò. - Di tích xếp hạng cấp tỉnh:

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
		+ Thành phố Bắc Kạn: Nền nhà ông Hoàng Cẩm, Nà Thôm, Nền nhà Hội trường Tám Mái, Khuổi Cuồng, Nhà Công sứ Pháp, Nhà Hội đồng, Thác Nà Noọc, Hội trường chữ U; + Huyện Ba Bể: Động Thẳm Thinh, Lủng Cháng, Chùa Phố Cũ, Động Puông, Đon Pán, Pù Cút, Khuổi Mản, Phiêng Chì, Tổng Luyên, Bản Chán, Thác Tát Mạ, Cốc Lùng; + Huyện Bạch Thông: Mộ đồng chí Bàn Văn Hoan, Khuổi Lừa, Nà Mặn, Hòn đá Khau Cưởm, Nhà ông Hoàng Văn Lường, Chùa Hoa Sơn, Ngườm Hẩu; + Huyện Chợ Đồn: Hệ thống đường dây cáp tời quặng; Đền Tiên Sơn; Tủm Tó; Bản Cài; Phja Tắc; Đền Phja Khao; Nền nhà ông Lăng Văn Quân; Nền nhà ông Tô Hữu Thơ; Nền nhà ông Hoàng Văn Quý; Nền xưởng quân giới; Nhà ông Triệu Văn Kiên; + Huyện Chợ Mới: Viện nghiên cứu kỹ thuật quân giới - Bộ quốc phòng, Chùa Thạch Long, Đền Thắm; + Huyện Na Rì: Pò Kép; + Huyện Ngân Sơn: Bốt Khau Pàn, Đền Phja Thán, Coỏng Tát, Thác Nà Khoang, Lủng Sao, Đông Chót; + Huyện Pác Nặm: Búp Nhùng.
II	**Vùng hạn chế phát thải**	
1	Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt	- Các xã nông thôn của thành phố Bắc Kạn. - Các vùng đệm của Vườn Quốc gia Ba Bể, khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, khu bảo tồn loài - sinh cảnh Nam Xuân Lạc, khu bảo vệ cảnh quan Thác Giềng. - Vùng đệm của nguồn nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt.
2	Vùng đệm của các di tích lịch sử - văn hóa	Khu vực bảo vệ II của các di tích lịch sử - văn hóa.
3	Khu dân cư tập trung nông thôn; nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V.	- Các đô thị trung tâm của các huyện: Thị trấn Đồng Tâm, thị trấn Phủ Thông, thị trấn Bằng Lũng, thị trấn Chợ Rã, thị trấn Yến Lạc, xã Bộc Bố, thị trấn Vân Tùng. - Các đô thị khác: Thị trấn Nà Phặc, Sáu Hai, Khang Ninh.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại	Vị trí	Quy mô dự kiến (ha)
I	**Khu bảo tồn cấp quốc gia (*)**			
	Ba Bể	Vườn quốc gia	Huyện Ba Bể & Chợ Đồn, Bắc Kạn	9.443
II	**Khu bảo tồn cấp tỉnh**			
1	Kim Hỷ	Khu dự trữ thiên nhiên	Huyện Na Rì & Bạch Thông, Bắc Kạn	14.891
2	Nam Xuân Lạc	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh	Huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	3.985
3	Thác Giềng	Khu bảo vệ cảnh quan	Thành phố Bắc Kạn & huyện Chợ Mới, Bắc Kạn	594

(*) Các khu bảo tồn cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích dự kiến (ha)
1	Đá vôi	36	140,71
2	Cát đồi	4	85,00
3	Cát sỏi	37	416,00
4	Đất san lấp	8	181,70
5	Đất sét	6	142,60
6	Chì kẽm	15	279,04
7	Ba rít	1	3,30
8	Phốt pho rít	1	2,52
9	Quặng sắt	2	47,20
10	Thạch anh	16	326,68
11	Vàng gốc	2	47,06
	Tổng cộng	**128**	**1.671,81**

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh và các quy định hiện hành. Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt. Đối với một số khu vực mỏ, khoáng sản dự kiến khai thác sau năm 2030, trường hợp đủ điều kiện và huy động được nguồn lực đầu tư thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho phép triển khai sớm hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nguồn nước	Vị trí		Chức năng
		Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Sông Bắc Giang	Huyện Na Rì	Huyện Na Rì	Cấp nước cho sinh hoạt Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
2	Sông Minh Khai	Xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	Tỉnh Cao Bằng	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
3	Sông Nậm Cung	Xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	Tỉnh Cao Bằng	Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
4	Suối Khuổi Tráng	Huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	Cấp nước cho sinh hoạt Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
5	Sông Cầu	Thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	Cấp nước cho sinh hoạt Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
6	Sông Phó Đáy	Huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn	Cấp nước cho sinh hoạt Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp Cấp nước cho sản xuất công nghiệp
7	Sông Nà Phặc	Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn	Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn	Cấp nước cho sinh hoạt

TT	Nguồn nước	Vị trí		Chức năng
		Điểm đầu	Điểm cuối	
8	Suối Khuổi Trù	Tiểu khu 1, thị trấn Nà Phặc	Tiểu khu 1, thị trấn Nà Phặc	Cấp nước cho sinh hoạt
9	Sông Nậm Cắt	Tổ 7 phường sông Cầu, Tp. Bắc Kạn	Tổ 7 phường sông Cầu, Tp. Bắc Kạn	Cấp nước cho sinh hoạt
10	Suối Tà Pìn	Thôn Nà Hin, xã Lương Hạ, huyện Na Rì	Thôn Nà Hin, xã Lương Hạ, huyện Na Rì	Cấp nước cho sinh hoạt
11	Sông Chợ Chu	Tổ 6 thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Tổ 6 thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	Cấp nước cho sinh hoạt
12	Sông Nà Cù	Thôn 3a, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông	Thôn 3a, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông	Cấp nước cho sinh hoạt

Phụ lục XXII

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	**GIAO THÔNG**	
1	**Xây dựng mới**	
1.1	Đường cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng (Trường hợp huy động được nguồn lực báo cáo cấp thẩm quyền triển khai thực hiện)	Tỉnh Bắc Kạn - Tỉnh Cao Bằng
1.2	Tuyến đường liên kết, kết nối giữa tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Tuyên Quang	Huyện Bạch Thông, huyện Chợ Đồn
1.3	Tuyến đường liên kết, kết nối giữa tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Lạng Sơn	Huyện Bạch Thông, huyện Na Rì
1.4	Đường Vành đai thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2	**Cải tạo, nâng cấp**	
2.1	Đường tỉnh 253	Huyện Ba Bể
2.2	Đường tỉnh 253B	Huyện Bạch Thông, huyện Na Rì
2.3	Đường tỉnh 254B	Huyện Chợ Đồn
2.4	Đường tỉnh 256	Huyện Chợ Mới, huyện Na Rì
2.5	Đường tỉnh 257B	Huyện Chợ Đồn, huyện Ba Bể
2.6	Đường tỉnh 257C	Huyện Chợ Đồn
2.7	Đường tỉnh 259B	Huyện Chợ Mới, huyện Chợ Đồn
2.8	Đường tỉnh 251	Huyện Ngân Sơn
2.9	Đường tỉnh 252B	Huyện Ngân Sơn, huyện Ba Bể
2.10	Đường tỉnh 258B	Huyện Ba Bể, huyện Pác Nặm
2.11	Đường tỉnh 259	Thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Mới
2.12	Đường Thanh Vận - Cao Kỳ - Yên Cư	Huyện Chợ Mới
2.13	Tuyến đường Mù Là - Hồng Thái	Huyện Pác Nặm
II	**CÔNG TRÌNH CẤP ĐIỆN, NĂNG LƯỢNG**	
1	Trạm biến áp 110 KV tại các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
2	Đường dây 110kV đoạn rẽ nhánh Cao Bằng - TBA 110kV Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
3	Đường dây 110kV từ thanh cái 220kV Bắc Kạn - TBA 110kV Cẩm Giàng	Các huyện, thành phố
4	Đường dây 110kV Chợ Đồn - Na Hang (Tuyên Quang)	Các huyện, thành phố
5	Đường dây 110kV đoạn rẽ nhánh Thái Nguyên - TBA 110kV Thanh Bình	Các huyện, thành phố
6	Đường dây 110kV Na Rì - Tràng Định (Lạng Sơn)	Các huyện, thành phố
7	Đường dây 110kV Chợ Đồn - Ba Bể	Các huyện, thành phố
8	Đường dây 110kV nhánh rẽ TBA Nà Phặc	Các huyện, thành phố
9	Đường dây 110kV Nà Phặc - Ba Bể	Các huyện, thành phố
10	Đường dây 110kV TBA 110kV - Chợ Đồn - Ngọc Linh	Các huyện, thành phố
11	Đường dây 110kV đoạn rẽ nhánh Thái Nguyên - TBA 110kV Chợ Mới	Các huyện, thành phố
12	Đường dây 110kV TBA 110kV Ba Bể - 110kV Pắc Nặm	Các huyện, thành phố
13	Đường dây 110kV nhánh rẽ TBA 110kV ĐG Chợ Mới 1	Các huyện, thành phố
14	Đường dây 110kV nhánh rẽ TBA 110kV ĐG Chợ Mới 2	Các huyện, thành phố
15	Đường dây 110kV mạch kép cho nhà máy điện gió Yên Hạ (đấu nối chuyển tiếp 110kV Bắc Kạn - Phú Lương)	Các huyện, thành phố
16	Đường dây 110kV TBA ĐG Chợ Mới 3	Các huyện, thành phố
17	Đường dây 110kV 110kV TBA ĐG Na Rì	Các huyện, thành phố
18	Cấp điện nông thôn bằng năng lượng tái tạo, tỉnh Bắc Kạn	Các huyện, thành phố
III	**DỰ ÁN CẤP NƯỚC**	
1	**Xây dựng mới**	
1.1	Xây dựng mới nhà máy nước KCN Thanh Bình	Huyện Chợ Mới
1.2	Các dự án cấp nước sạch nông thôn gồm 32 dự án cấp nước (Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn)	Các huyện, thành phố
2	**Cải tạo, nâng cấp**	
2.1	Nhà máy nước Yến Lạc 2	Huyện Na Rì
2.2	Nhà máy nước Yên Đĩnh	Huyện Chợ Mới

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
2.3	Nhà máy nước Phủ Thông	Huyện Bạch Thông
2.4	Nhà máy nước Bằng Lũng 2	Huyện Chợ Đồn
2.5	Nhà máy nước Chợ Rã	Huyện Ba Bể
2.6	Nhà máy nước Bộc Bố	Huyện Pác Nặm
2.7	Nhà máy nước Vân Tùng	Huyện Ngân Sơn
IV	**DỰ ÁN THOÁT NƯỚC**	
	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các thị trấn, trung tâm huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
V	**DỰ ÁN THỦY LỢI**	
1	**Xây dựng mới**	
1.1	Xây dựng mới các cụm công trình hồ tích nước thủy lợi	Các huyện, thành phố
1.2	Xây dựng mới các đập, kênh mương	Các huyện, thành phố
1.3	Xây dựng mới các đập dâng trên sông Cầu tại thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
1.4	Xây dựng mới các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện/thành phố	Các huyện, thành phố
2	**Cải tạo, nâng cấp**	
2.1	Nâng cấp, cải tạo kiên cố hóa kênh mương	Các huyện, thành phố
2.2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đập	Các huyện, thành phố
2.3	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	Các huyện, thành phố
2.4	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình hồ tích nước thủy lợi	Các huyện, thành phố
VI	**DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**	
1	**Xây dựng mới**	
1.1	Xây mới các công trình kè	Các huyện, thành phố
1.2	Dự án "Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp" - Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2	**Cải tạo, nâng cấp**	
	Nâng cấp, sữa chữa các công trình kè	Các huyện, thành phố
VII	**DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP**	
1	Chương trình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp bền vững	Các huyện, thành phố
2	Dự án phát triển trồng trọt, chăn nuôi	Các huyện, thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
3	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng	Các huyện, thành phố
4	Dự án phát triển dược liệu	Các huyện, thành phố
5	Dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến gỗ, tre, nứa	Các huyện, thành phố
6	Dự án phát triển rừng phòng hộ	Các huyện, thành phố
7	Dự án phát triển rừng sản xuất	Các huyện, thành phố
8	Dự án đường lâm nghiệp	Các huyện, thành phố
9	Trung tâm giới thiệu nông sản và dịch vụ hậu cần nông nghiệp	Huyện Chợ Mới
10	Các dự án xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm nông, lâm sản	Các huyện, thành phố
11	Các dự án trồng, chăm sóc và chế biến các sản phẩm nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái trải nghiệm	Các huyện, thành phố
12	Dự án đầu tư các trang trại chăn nuôi công nghệ cao	Các huyện, thành phố
13	Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Thành phố Bắc Kạn
14	Dự án các nhà máy chế biến, bảo quản các sản phẩm từ hoa quả có múi	Huyện Bạch Thông, Thành phố Bắc Kạn
15	Dự án nhà máy sản xuất đồ uống đóng chai từ nguyên liệu tự nhiên (cam, quýt, mơ vàng, mía, rau,…)	Thành phố Bắc Kạn, Huyện Chợ Mới
16	Dự án nhà máy sản xuất rượu công nghiệp men lá với du lịch cộng đồng	Huyện Chợ Đồn
17	Dự án trồng, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến dược liệu	Huyện Chợ Đồn, Huyện Ba Bể, Huyện Na Rì
18	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ tre, nứa, vầu	Huyện Chợ Đồn, Huyện Ba Bể
19	Dự án viên nén mùn cưa từ phế phẩm lâm sản	Thành phố Bắc Kạn, Huyện Chợ Mới và Huyện Bạch Thông
VIII	**DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP**	
1	Dự án đầu tư hạ tầng KCN Thanh Bình - Giai đoạn II	Huyện Chợ Mới
2	Dự án đầu tư hạ tầng KCN Chợ Mới 1	
3	Dự án đầu tư hạ tầng KCN Chợ Mới 2, KCN Chợ Mới 3	Huyện Chợ Mới

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
4	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Huyền Tụng 2	Thành phố Bắc Kạn
5	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Chu Hương	Huyện Ba Bể
6	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Tân Tú	Huyện Bạch Thông
7	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Bằng Phúc	Huyện Chợ Đồn
8	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Yên Phong	Huyện Chợ Đồn
9	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Quảng Chu 1	Huyện Chợ Mới
10	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Thanh Mai	Huyện Chợ Mới
11	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Thanh Vận	Huyện Chợ Mới
12	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Khe Lắc	Huyện Chợ Mới
13	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Kim Lư	Huyện Na Rì
14	Dự án đầu tư hạ tầng CCN Nà Phặc	Huyện Ngân Sơn
IX	**DỰ ÁN HẠ TẦNG CHẤT THẢI RẮN**	
1	Khu xử lý liên vùng huyện Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn
2	Khu xử lý liên vùng huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
3	Khu xử lý liên vùng huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
4	Khu xử lý chất thải các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
X	**DỰ ÁN HẠ TẦNG NGHĨA TRANG**	
1	Nghĩa trang nhân dân thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2	Nghĩa trang nhân dân các huyện	Các huyện
XI	**DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**	
	Đầu tư tăng cường tiềm lực phục vụ công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng giai đoạn 2021 - 2030	Thành phố Bắc Kạn
XII	**VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**	
1	Nâng cấp các tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh	Các huyện, thành phố
2	Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của HĐND, UBND các cấp	Các huyện, thành phố
3	Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh IOC	Các huyện, thành phố
XIII	**Y TẾ**	
	Cải tạo, nâng cấp	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thành phố Bắc Kạn
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Thành phố Bắc Kạn
3	Hoàn thiện, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các Trung tâm y tế tuyến huyện	Các huyện, thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
XIV	**CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ VIỆC LÀM, NGƯỜI CÓ CÔNG, PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**	
1	Nâng cấp cải tạo nghĩa trang liệt sỹ tỉnh	Huyện Bạch Thông
2	Cải tạo, nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội xã hội tổng hợp tỉnh	Thành phố Bắc Kạn
XV	**DỰ ÁN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ**	
	Cải tạo, nâng cấp	
1	Các trường học trung học phổ thông, nội trú dạy nghề trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
2	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
XVI	**VĂN HÓA - TDTT**	
1	**Cải tạo, nâng cấp**	
1.1	Tu bổ, tôn tạo di tích Quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
1.2	Hoàn thiện dự án Tượng đài chiến thắng tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
1.3	Tu bổ các di tích Nà Tu, Khuổi Lừa, mộ đồng chí Bàn Văn Hoan	Huyện Bạch Thông
2	**Xây dựng mới**	
2.1	Quảng trường thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2.2	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2.3	Xây dựng khu công viên, vui chơi giải trí tỉnh	Thành phố Bắc Kạn
2.4	Xây dựng khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Bắc Kạn
2.5	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Ba Bể 1	Huyện Ba Bể
2.6	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Ba Bể 2	Huyện Ba Bể
2.7	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Ba Bể 3	Huyện Ba Bể
2.8	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2.9	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Chợ Mới 1	Huyện Chợ Mới
2.10	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Chợ Mới 2	Huyện Chợ Mới

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
2.11	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Chợ Mới 3	Huyện Chợ Mới
2.12	Tổ hợp sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn
2.13	Tổ hợp sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
2.14	Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao và sân Gôn Bạch Thông	Huyện Bạch Thông
2.15	Trường đua xe địa hình	Huyện Bạch Thông
XVII	**DU LỊCH**	
1	Đầu tư xây dựng mới cầu Pác Ngòi	Huyện Ba Bể
2	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các bến thuyền khu du lịch Ba Bể	Huyện Ba Bể
3	Dự án đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp trong Hồ Ba Bể	Huyện Ba Bể
4	Dự án Chuỗi du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm Bắc Kạn trên địa bàn xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
5	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
6	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
7	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng trên địa bàn xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
8	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng trên địa bàn xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
9	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng trên địa bàn xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
10	Khách sạn năm sao thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
11	Dự án Tổ hợp đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, kết hợp thương mại dịch vụ, văn hóa, thể thao Hồ Nặm Cắt	Thành phố Bắc Kạn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
12	Dự án du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm Đồn Đèn	Huyện Ba Bể
13	Dự án đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp trong Hồ Ba Bể	Huyện Ba Bể
14	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng trên địa bàn xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông	Huyện Bạch Thông
15	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch nghỉ dưỡng Mù Là	Huyện Pác Nặm
16	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp thương mại, dịch vụ Hồ Bản Chang	Huyện Ngân Sơn
17	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp thương mại, dịch vụ Hồ Thanh Vận	Huyện Chợ Mới
18	Khu du lịch sinh thái trong khu bảo tồn cảnh quan Nam Xuân Lạc	Huyện Chợ Đồn
19	Khu du lịch sinh thái trong khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ	Huyện Na Rì
20	Khu văn hóa du lịch và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
21	Dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp thương mại dịch vụ, văn hóa, thể thao tại xã Văn Lang, huyện Na Rì	Huyện Na Rì
XVIII	**THƯƠNG MẠI**	
1	Dự án đầu tư các Trung tâm thương mại hạng II và hạng III trên địa bàn thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
2	Dự án đầu tư Trung tâm thương mại hạng III	Huyện Chợ Mới, huyện Ba Bể
3	Dự án xây dựng các siêu thị	Các huyện, thành phố
4	Dự án đầu tư hạ tầng công trình logistics tại huyện Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
5	Dự án đầu tư hạ tầng công trình logistics tại huyện Bạch Thông	Huyện Bạch Thông
6	Dự án đầu tư hạ tầng công trình logistics tại Thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
XIX	**ĐÔ THỊ**	
1	Dự án Đầu tư xâydựnghạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại tổ Xây dựng và tổ Pá Danh, phường Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
2	Khu dân cư và dịch vụ thương mại Khu công nghiệp Thanh Bình tại xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Huyện Chợ Mới
3	khu du lịch đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng Khang Ninh - Thượng Giáo, huyện Ba Bể	Huyện Ba Bể
4	Dự án Khu dân cư Central Hill Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
5	Khu đô thị mới phía đông thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
6	Khu đô thị phía Nam hồ Nặm Cắt, thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
XX	**AN NINH QUỐC PHÒNG**	
1	Hoàn thiện cơ sở vật chất trụ sở Công an xã, phường, thị trấn	Các xã, phường, thị trấn
2	Xây dựng, cải tạo các công trình chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện/thành phố	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội vùng CT229, ATK	Các huyện Chợ Đồn, Bạch Thông, Na Rì
4	Xây dựng Trung tâm Giáo dục cộng đồng và Huấn luyện nghiệp vụ PCCC & CNCH	Thành phố Bắc Kạn
5	Xây dựng Tru sở Đội cơ động bảo vệ và PCCC rừng tại thành phố Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
6	Xây dựng Đội CS PCCC & CNCH tại các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư của các dự án nên trên sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án trong danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH BẮC KẠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng